

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **269/2024/DS-ST**

Ngày: 03 - 6 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Liên Quân**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Văn Sơn**.

2. Ông **Phạm Văn Chính**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hà Kim Thông** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày 03 tháng 6 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 529/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 114/2024/QĐST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn: Công ty T (Việt Nam).**

Địa chỉ trụ sở: số 1 đường P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Lâm Thị Thùy D**, sinh năm 2000. Địa chỉ: P, Tầng D, Tòa nhà số G đường T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

2. **Bị đơn:** Bà **Nguyễn Thị Kim N**, sinh năm 1983. Địa chỉ: A Ấp C, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 9 năm 2023 và bản tự khai, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lâm Thị Thùy D trình bày:

Ngày 28/7/2022 Công ty T (Việt Nam) có ký hợp đồng tín dụng số 3422377 về việc cấp tín dụng cho bà Nguyễn Thị Kim N với khoản vay là 31.980.000 đồng, lãi suất 44%/năm, thanh toán trong kỳ hạn 36 tháng kể từ ngày 05/9/2022 đến ngày 05/8/2025. Ngày 29/7/2022, Công ty T (Việt Nam) đã giải ngân cho bà Nguyễn Thị Kim N theo đúng quy định của Hợp đồng tín dụng. Từ

ngày được giải ngân, bà Nguyễn Thị Kim N đã thanh toán cho Công ty T (Việt Nam) số tiền là 3.254.043 đồng. Kể từ ngày 07/10/2022 bà Nguyễn Thị Kim N1 không tiếp tục thanh toán vốn gốc và tiền lãi theo hợp đồng.

Do đó, Công ty T (Việt Nam) khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Kim N phải thanh toán tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 03/6/2024 là 57.305.264 đồng, trong đó: nợ gốc là 31.365.970 đồng, lãi quá hạn là 18.239.294 đồng, lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn là 6.075.903 đồng và tiền chậm trả là 1.624.094 đồng; và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 04/6/2024 theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Tại biên bản hòa giải ngày 05 tháng 12 năm 2023, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N trình bày:

Bà Nguyễn Thị Kim N có vay tại Công ty T (Việt Nam) số tiền 31.980.000 đồng, giải ngân ngày 29/7/2022, lãi suất 44%/năm, thanh toán trong kỳ hạn 36 tháng kể từ ngày 05/9/2022 đúng như đại diện công ty T trình bày. Sau khi ký kết hợp đồng, Công ty T (Việt Nam) đã giải ngân cho bà Nguyễn Thị Kim N. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thị Kim N đã thanh toán tổng số tiền 3.254.043 đồng. Kể từ ngày 07/10/2022, do kinh doanh khó khăn bà Nguyễn Thị Kim N ngưng thanh toán vốn gốc và tiền lãi theo hợp đồng.

Bà Nguyễn Thị Kim N xác định còn nợ Công ty T (Việt Nam) vốn gốc là 31.365.970 đồng và tiền lãi. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị Kim N đề nghị Công ty T (Việt Nam) xem xét giảm, miễn lãi.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự hòa giải với nhau nhưng nguyên đơn và bị đơn không thống nhất ý kiến về giải quyết toàn bộ nội dung vụ án nên vụ án không hòa giải thành được. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để Hội đồng xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa Công ty T (Việt Nam) với bà Nguyễn Thị Kim N là tranh chấp hợp đồng tín dụng quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và bị đơn cư trú tại huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N có mặt tại phiên hòa giải và trình bày ý kiến. Tuy nhiên, Tòa án đã niêm yết, tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim N vắng mặt không rõ lý do và đại diện ủy

quyền của nguyên đơn là bà Lâm Thị Thùy D có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại đơn khởi kiện và bản tự khai thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 03/6/2024 là 57.305.264 đồng, trong đó: nợ gốc là 31.365.970 đồng, lãi quá hạn là 18.239.294 đồng, lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn là 6.075.903 đồng và tiền chậm trả là 1.624.094 đồng; thanh toán số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 04/6/2024 theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và lời trình bày của bị đơn tại biên bản hòa giải, đủ cơ sở chứng minh: Ngày 28/7/2022 nguyên đơn có ký hợp đồng tín dụng số 3422377 về việc cấp tín dụng cho bị đơn với khoản vay là 31.980.000 đồng, lãi suất 44%/năm, thanh toán trong kỳ hạn 36 tháng kể từ ngày 05/9/2022 đến ngày 05/8/2025.

[4.2] Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 3.254.043 đồng. Sau đó, bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho phía nguyên đơn. Theo đó, tạm tính đến ngày 03/6/2024 là 57.305.264 đồng, trong đó: nợ gốc là 31.365.970 đồng, lãi quá hạn là 18.239.294 đồng, lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn là 6.075.903 đồng và tiền chậm trả là 1.624.094 đồng. Bị đơn cũng xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 31.365.970 đồng và tiền lãi.

[4.3] Xét thấy bị đơn vay tiền của nguyên đơn nhưng không thanh toán nợ gốc và lãi đúng hạn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn tiền vay của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, tổng số tiền tạm tính đến ngày 03/6/2024 là 57.305.264 đồng, trong đó: nợ gốc là 31.365.970 đồng, lãi quá hạn là 18.239.294 đồng, lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn là 6.075.903 đồng, tiền chậm trả là 1.624.094 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 04/6/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Án phí dân sự có giá ngạch bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật. H lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T (Việt Nam) đối với bà Nguyễn Thị Kim N.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Kim N có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T tổng số tiền là 57.305.264 đồng (năm mươi bảy triệu, ba trăm lẻ năm ngàn, hai trăm sáu mươi bốn đồng), trong đó: nợ gốc là 31.365.970 đồng, tiền lãi quá hạn là 18.239.294 đồng, tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn là 6.075.903 đồng, tiền chậm trả là 1.624.094 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 04/6/2024 theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng ngày 28/7/2022 cho đến khi thi hành án xong.

3. Về án phí: Án phí dân sự có giá ngạch, Công ty T (Việt Nam) không phải chịu, bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu 2.865.263 đồng (hai triệu, tám trăm sáu mươi lăm ngàn, hai trăm sáu mươi ba đồng). Hoàn trả lại cho Công ty T (Việt Nam) số tiền tạm ứng án phí 1.098.534 đồng (một triệu, chín mươi tám ngàn, năm trăm ba mươi bốn đồng) đã nộp theo biên lai số AA/2022/0017289 ngày 17/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

4. Án xử công khai, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Liên Quân